

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI HKII. MÔN ĐỊA LÍ LỚP 10
NĂM HỌC 2022 – 2023

Phần I. Trắc nghiệm khách quan: Hãy lựa chọn phương án đúng nhất cho mỗi câu hỏi

Câu 1: Tài chính liên quan đến vấn đề

- A dịch vụ. B tiền tệ. C giao dịch. D thanh toán.

Câu 2: Vai trò chủ yếu của công nghiệp điện tử - tin học là

- A ngành công nghiệp đi trước một bước trong phát triển kinh tế.
B nguồn nhiên liệu quan trọng “vàng đen” của nhiều quốc gia.
C thước đo trình độ phát triển kinh tế, kỹ thuật của các quốc gia.
D có vị trí quan trọng, là quả tim của công nghiệp nặng.

Câu 3: Loại hình giao thông vận tải nào sau đây đảm nhận phần lớn khối lượng hàng hóa luân chuyển của tất cả các phương tiện trên thế giới?

- A Đường sắt. B Đường ô tô. C Đường sông, hồ. D Đường biển.

Câu 4: Nhân tố tác động đến việc lựa chọn nhà máy, khu công nghiệp, khu chế xuất, cơ cấu ngành công nghiệp là

- A con người. B vị trí địa lí. C tự nhiên. D kinh tế - xã hội.

Câu 5: Điểm công nghiệp là hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp có đặc điểm nào sau đây?

- A Phức tạp nhất. B Diện tích lớn nhất. C Đơn giản nhất. D Trình độ cao nhất.

Câu 6: Dịch vụ nào dưới đây thuộc nhóm dịch vụ bưu chính?

- A Bru phẩm. B Truyền số. C Điện thoại. D Truyền tin.

Câu 7: Phát triển bền vững là đảm bảo cho con người có đời sống vật chất, tinh thần ngày càng cao trong

- A xã hội đảm bảo sự ổn định. B môi trường sống lành mạnh.
C tình hình an ninh toàn cầu tốt. D nền kinh tế tăng trưởng cao.

Câu 8: Thiết bị nào dưới đây **không** thuộc nhóm thiết bị viễn thông?

- A Điện thoại. B Bru kiện. C Mạng truyền dẫn. D Máy tính.

Câu 9: Nhận định nào sau đây **không** đúng với đặc điểm của ngành công nghiệp điện tử - tin học?

- A Không chiếm diện tích rộng. B Yêu cầu cao về trình độ lao động.
C Gây ô nhiễm môi trường không khí. D Không tiêu thụ nhiều kim loại.

Câu 10: Môi trường **không** có đặc điểm nào sau đây?

- A Ảnh hưởng đến con người. B Con người không thể tác động được.
C Có quan hệ mật thiết với con người. D Tác động qua lại với con người.

Câu 11: Công nghiệp được chia thành công nghiệp nặng, công nghiệp nhẹ dựa trên cơ sở

- A tính chất tác động đến đối tượng lao động. B công dụng kinh tế của sản phẩm.
C thị trường tiêu thụ sản phẩm. D các công đoạn tạo ra sản phẩm.

Câu 12: Nhân tố nào sau đây vừa là lực lượng sản xuất, vừa là thị trường tiêu thụ đối với ngành công nghiệp?

- A Vốn, thị trường. B Dân cư, lao động.
C Khoa học – công nghệ. D Chính sách phát triển.

Câu 13: Đối với việc hình thành các điểm du lịch, nhân tố có vai trò đặc biệt quan trọng là

- A cơ sở vật chất và hạ tầng. B tài nguyên thiên nhiên.
C sự phân bố dân cư. D trình độ phát triển kinh tế.

Câu 14: Nhân tố nào sau đây quyết định sự phát triển và phân bố các ngành dịch vụ?

- A Khoa học – công nghệ. B Đặc điểm dân số.
C Trình độ phát triển kinh tế. D Thị trường và vốn.

Câu 15: Ngành nào dưới đây được coi là ngành “công nghiệp không khói”?

- A Du lịch. B Ngân hàng. C Tài chính. D Thương mại.

Câu 16: Ngành công nghiệp nào dưới đây có quy luật phân bố khác biệt nhất?

- A Luyện kim. B Thực phẩm. C Năng lượng. D Điện tử.

Câu 17: Khu vực nào sau đây tập trung nhiều cảng biển nhất?

- A Đại Tây Dương. B Địa Trung Hải. C Ấn Độ Dương. D Thái Bình Dương.

Câu 18: Ý nào dưới đây **không** đúng với vai trò của ngành công nghiệp?

- A Tạo cơ sở vững chắc cho an ninh lương thực đất nước.
B Cung cấp tư liệu sản xuất, tạo sản phẩm tiêu dùng.
C Sản xuất ra khối lượng của cải vật chất lớn cho xã hội.

D Thúc đẩy tốc độ tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Câu 19: Yếu tố nào sau đây quy định vai trò và hoạt động của các phương tiện vận tải?

- A Điều kiện tự nhiên. B Dân cư, lao động. C Vốn đầu tư. D Khoa học công nghệ.

Câu 20: Ngành công nghiệp **không** có đặc điểm nào sau đây?

- A Tiêu thụ khối lượng nguyên liệu lớn. B Phân bố linh hoạt trong không gian.
C Gắn liền với sử dụng máy móc. D Phụ thuộc chặt chẽ vào tự nhiên.

Câu 21: Ngành công nghiệp nào sau đây có không gian sản xuất rộng lớn hơn cả?

- A Điện tử - tin học. B Chế biến thực phẩm.
C Sản xuất hàng tiêu dùng. D Khai thác khoáng sản.

Câu 22: Ngành công nghiệp nào dưới đây có mối quan hệ chặt chẽ với nông nghiệp?

- A Khai thác than. B Điện tử, tin học.
C Chế biến lương thực, thực phẩm. D Khai thác dầu khí.

Câu 23: Vai trò của dầu khí **không** phải là

- A Nhiên liệu cho dược phẩm. B Nhiên liệu cho ngành điện.
C Tài nguyên thiên nhiên. D Nguyên liệu cho hóa dầu.

Câu 24: Ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng **không** chịu ảnh hưởng nhiều bởi

- A nguyên liệu. B thị trường. C chi phí vận tải. D lao động.

Câu 25: Hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp ở cấp cao nhất là

- A vùng công nghiệp. B điểm công nghiệp. C khu công nghiệp. D trung tâm công nghiệp.

Câu 26: Đảm bảo giao lưu giữa các nước, là cầu nối giữa các nền kinh tế là vai trò chủ yếu của loại hình giao thông vận tải

- A đường sắt. B đường biển. C đường hàng không. D đường sông, hồ.

Câu 27: Sản phẩm chiếm tỉ trọng ngày càng cao trong cơ cấu hàng xuất khẩu trên thế giới hiện nay là

- A mặt hàng nông sản, nguyên vật liệu. B thực phẩm và hàng linh kiện điện tử.
C các sản phẩm thô chưa qua tinh chế. D công nghiệp chế biến và dầu mỏ.

Câu 28: Cơ cấu sử dụng năng lượng trên thế giới hiện nay có xu hướng tăng tỉ trọng

- A than đá. B thủy điện. C điện nguyên tử. D năng lượng tái tạo.

Câu 29: Các trung tâm công nghiệp thường là

- A các thành phố nhỏ. B tổ chức ở trình độ thấp.
C các vùng lãnh thổ rộng lớn. D các thành phố vừa và lớn.

Câu 30: Quỹ tiền tệ quốc tế viết tắt là

- A WTO. B WB. C UN. D IMF.

Phần II: Tự luận

Câu 1. Trình bày vai trò và đặc điểm của ngành công nghiệp.

Câu 2. Trình bày các định hướng phát triển công nghiệp trong tương lai.

Câu 3. Trình bày vai trò và đặc điểm của ngành dịch vụ.

Câu 4. Trình bày vai trò, đặc điểm của ngành giao thông vận tải và bưu chính viễn thông.

Câu 5. Trình bày vai trò, đặc điểm của ngành thương mại.

Câu 6. Kỹ năng: Cho bảng số liệu sau:

Trị giá xuất khẩu và nhập khẩu hàng hóa của các châu lục năm 2019 (đơn vị: tỉ USD)

Châu lục	Trị giá xuất khẩu	Trị giá nhập khẩu
Châu Âu	7 541,1	7 316,7
Châu Mỹ	3 148,0	4 114,6
Châu Á	6 252,3	6 053,5
Châu Phi	462,3	569,1
Châu Đại Dương (Ô-xtrây-li-a và Niu Di-len)	311,1	263,8
Tổng	17 714,7	18 317,7

(Nguồn: SGK Địa lí 10 – Bộ Cảnh Điều)

a. Tính tỉ lệ trị giá xuất khẩu và trị giá nhập khẩu hàng hóa của các châu lục so với tổng trị giá xuất khẩu và trị giá nhập khẩu của WTO năm 2019.

b. Nhận xét về cơ cấu trị giá xuất khẩu, nhập khẩu theo châu lục và khu vực trên thế giới.

-----Hết-----

DUYỆT CỦA BGH